

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **265** /UBND-KTTCKT

Bắc Kạn, ngày **17** tháng 01 năm 2020

V/v báo cáo kết quả thực hiện
Chương trình “Mở rộng quy mô vệ
sinh và nước sạch nông thôn dựa
trên kết quả” năm 2019

Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi

Thực hiện Công văn số 1748/TCTL-NN ngày 10/12/2019 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2019. Sau khi giao các ngành chức năng tham mưu, đề xuất, UBND tỉnh Bắc Kạn tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tỉnh Bắc Kạn năm 2019 với các kết quả như sau:

- DLI 1.1 Kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh: 01 Kế hoạch được thực hiện.

- DLI 1.2 Số xã mới đạt được Vệ sinh toàn xã: 13 xã.

- DLI 1.3 Số Đầu nối Cấp nước tới hộ gia đình được cải tạo hay mới xây dựng đang hoạt động: 819 đầu nối.

- DLI 3.1 Số Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai: 01 kế hoạch và 01 báo cáo.

- DLI 3.2 Số Kế hoạch phát triển năng lực hàng năm đã phê duyệt được thực hiện: 01 kế hoạch được thực hiện.

(Có bảng số liệu chi tiết kèm theo)

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Như trên;

Gửi bản điện tử:

- CT, PCT UBND tỉnh (Bà Hoa);

- Các Sở: NN&PTNT; Giáo dục và Đào tạo;

Y tế; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;

- TT Nước sạch & VSMTNT tỉnh;

- TT Kiểm soát bệnh tật tỉnh;

- LĐVP;

- Lưu: VT, Hoàn.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thị Minh Hoa



BÁO CÁO CHƯƠNG TRÌNH CỦA TỈNH
TỈNH BẮC KẠN

GIẢI ĐOẠN CHƯƠNG TRÌNH: NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 265 /UBND-KTTCKT ngày 17/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

I. TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN

BẢNG I-1: TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN CỦA TỈNH

DLI	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh	01	01
DLI 1.2 Số Xã mới đạt được Vệ sinh toàn xã	07	- 13 xã đạt VSTX (Trong đó: 5 xã kiểm đếm 4 tiêu chí, 6 xã kiểm đếm CTCC, 2 xã kiểm đếm lại HGD) - 04 xã kiểm đếm Vệ sinh HGD. 819 đầu nổi. Trong đó: 215 đầu nổi kiểm đếm sử dụng nguồn vốn khác
DLI 1.3 Số đầu nổi cấp nước tới hộ gia đình được cải tạo hay mới xây dựng đang hoạt động		
DLI 2.1 Số hộ gia đình trong Tỉnh có hệ thống nước bền vững	0	0
DLI 2.2 Số Xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh toàn xã cách đây 02 năm dương lịch, nơi tất cả các mẫu giáo, trường tiểu học và trung học và trung tâm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh	01	01
DLI 3.1 Số Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai	02	02
DLI 3.2 Số Kế hoạch phát triển năng lực hàng năm đã phê duyệt được thực hiện	01	01

BẢNG I-2: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÀN 1.1

Hoạt động	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh: Liệt kê các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC		
NGÀNH Y TẾ		
Hoạt động cấp tỉnh		
- Hoạt động 1: Hội nghị triển khai cấp tỉnh	01	01 hội nghị/65 đại biểu ngày 27/8/2019, nữ: 16; nam: 09; dân tộc: 50
- Hoạt động 2: Tập huấn cho cán bộ tỉnh, huyện	01	01 lớp/25 học viên, ngày 10-14/9/2019, nữ: 16; nam: 09; dân tộc: 22
- Hoạt động 3: Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng	Đăng tin/bài/ảnh trên, Đài TH tỉnh; báo/tạp chí ngành: 03 phóng sự, 9 bài, 04 tin, đăng 17 ảnh	- Thực hiện 03 phóng sự truyền hình phát sóng Đài PT và TH Bắc Kạn (tháng 9 - tháng 12); Phát sóng trên truyền hình kênh TBK; - 02 bài viết, phát sóng phát thanh Đài PT và TH Bắc Kạn: FM 102.1. - Đăng 09 bài, 04 tin, 17 ảnh trên Bản tin Y tế Bắc Kạn số 89, số 90/2019 và trên Trang thông tin điện tử Sở Y tế Bắc Kạn;
- Hoạt động 4: Tập huấn cho cán bộ xã và TTV về vệ sinh	6	1. Huyện Pác Nặm: 01 lớp, tổng 32 học viên, nam 18, nữ 14, dân tộc 32, từ ngày 06-08/10/2019 . 2. Huyện Na Ri: 01 lớp, tổng 48 học viên; nữ 19, nam 29, dân tộc 48, thực hiện từ 14-16/10/2019.

		<p>3. Huyện Ngân Sơn: 01 lớp, tổng 32 học viên; nữ 12; nam 20; dân tộc 32, thực hiện từ 17-19/10/2019.</p> <p>4. Huyện Chợ Mới: 01 lớp, tổng 25 học viên, nữ 13, nam 12, dân tộc 23, thực hiện từ ngày 20-22/10/2019.</p> <p>5. Huyện Chợ Đồn: 01 lớp, tổng 32 học viên, nữ 13, nam 19, dân tộc 30, thực hiện từ 27-29/10/2019.</p> <p>6. Huyện Bạch Thông: 01 lớp, tổng 25 học viên, nữ 11, nam 14, dân tộc 24, thực hiện từ 23-25/10/2019.</p>
<p>- Hoạt động 5: Tập huấn cho Công tác viên vệ sinh tại thôn/xã</p>	<p>6</p>	<p>1. Xã Bộc Bó, Huyện Pác Nặm: 01 lớp, tổng 28 học viên, nam 19, nữ 9, dân tộc 28, từ ngày 04-06/11/2019.</p> <p>2. Xã Côn Minh + xã Quang Phong, huyện Na Rỳ: 01 lớp, tổng 35 học viên; nữ 13, nam 12, dân tộc 35, thực hiện từ 01-03/11/2019.</p> <p>3. Xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn: 01 lớp, tổng 26 học viên; nữ 09; nam 17; dân tộc 26, thực hiện từ 01-03/11/2019.</p> <p>4. Xã Yên Định, huyện Chợ Mới: 01 lớp, tổng 20 học viên, nữ 10, nam 10, dân tộc 16, thực hiện từ ngày 24-26/11/2019.</p> <p>5. Xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn: 01 lớp, tổng 29 học viên, nữ 19, nam 20, dân tộc 29, thực hiện từ 31/10-02/11/2019.</p> <p>6. Xã Nguyễn Phúc, huyện Bạch Thông: 01 lớp, tổng 22 học viên, nữ 8, nam 14, dân tộc 21, thực hiện từ 03-05/11/2019.</p>
<p>- Hoạt động 6: thành lập cửa hàng tiện ích (rà soát, lựa chọn)</p>	<p>6</p>	<p>1. Huyện Ba Bể: Cửa hàng Ông Triệu Xuân Trường, kinh doanh gạch xi (gạch xi măng), địa chỉ xã Mỹ Phương, huyện Ba Bể, điện thoại 01678916411.</p>

		<p>2. Huyện Ngân Sơn: Cửa hàng Triệu Văn Cửu, kinh doanh vật liệu xây dựng, địa chỉ thôn Nà Cà, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, điện thoại 0985 753 848.</p> <p>3. Huyện Bạch Thông: Cửa hàng Hoàng Minh Huân; kinh doanh: Bê xi, xi măng, ống nhựa, gạch, địa chỉ: Thôn Nà Lốc, xã Nguyên Phúc, huyện Bạch Thông; Điện thoại 0393481013.</p> <p>4. Huyện Na Rì: Nguyễn Văn Phương, kinh doanh vật liệu xây dựng, cung cấp khuôn ống bi, địa chỉ thôn Chợ B, xã Côn Minh, huyện Na Rì, điện thoại 0384285506.</p> <p>5. Huyện Chợ Mới: Cửa Hàng ông Nguyễn Tiến Sĩ, kinh doanh gạch xi (gạch xi măng) xã Thanh Bình - huyện Chợ Mới, Điện thoại 0386004074.</p> <p>6. Huyện Pác Nặm: Doanh nghiệp tư nhân Trần Gia, kinh doanh vật liệu xây dựng, xi măng, thôn Nà Cooc, xã Bộc Bó huyện Pác Nặm, ĐT 0399334225.</p> <p>7. Huyện Chợ Đồn: Cửa hàng Bà Triệu Thị Dư, kinh doanh ống bi, gạch xi măng vật liệu vệ sinh, thôn Nà Dao xã Phương Viên huyện Chợ Đồn, điện thoại 0977038243.</p>
<p>- Hoạt động 7: Giám sát chất lượng nước theo quy chuẩn</p>	<p>26</p>	<p>Đánh giá chất lượng nước sử dụng Trạm y tế xã theo quy chuẩn QCVN 02: 2009/BYT và theo hướng dẫn của số tay thực hiện chương trình tại trạm Y tế các xã: Cẩm Giàng, Nguyên Phúc, Mỹ Thanh, Lăng Ngâm, Thượng Quan, Bằng Vân, Phúc Lộc, Bành Trạch, Khang Ninh, Mỹ Phương, Lăng Ngâm, Thượng Quan, Yên Đĩnh, Như Cỏ, Phương Viên, Nam Cường, xã Nguyên Phúc, Bộc Bó, Côn Minh, Quang Phong, Cư Lễ.</p>

		Phần chất lượng nước trường học xã nào kiểm đếm VSTX 2019: Sơ Giáo dục và Đào tạo tự bỏ kinh phí làm xét nghiệm - đã thống nhất với Kế hoạch BCC Giáo dục)
Hoạt động 8: Làm áp phích cho các xã		Kết quả: Cấp 07 áp phích cho các Trạm Y tế: Xã Bằng Vân (Ngân Sơn), xã Yên Định (Chợ Mới), xã Phương Viên (Chợ Đồn), xã Nguyễn Phúc (Bạch Thông), xã Bộc Bó (Pác Nặm), xã Côn Minh, Quang Phong huyện Na Rì
Hoạt động 9: Giám sát chương trình	15 xã	Thực hiện bàn giao sử dụng: Từ ngày 01/12/2018 đến ngày 15/12/2018 mỗi xã 01 lượt: tổng 15 lượt = 15 xã Bằng Vân, Phương Viên, Bộc Bó, Côn Minh, Quang Phong, Nguyễn Phúc, Phúc Lộc, Bành Trạch, Cù Lễ, Thương Quan, Vân Tùng, Lãng Ngâm, Nông Hạ, Như Cốc, Yên Định
Hoạt động 10: Phối hợp kiểm đếm các xã VSTX năm 2018	11 xã	Phối hợp kiểm, đếm từ ngày 03/6/2019 đến ngày 14/6/2019: Về 04 tiêu chí tại xã Dương Phong huyện Bạch Thông, xã Vân Tùng huyện Ngân Sơn, Cù Lễ huyện Na Rì, xã Nông Thịnh, Nông Hạ huyện Chợ Mới; Kiểm đếm 02 tiêu chí về vệ sinh hộ gia đình tại các xã: Mỹ Thanh huyện Bạch Thông, Như Cốc huyện Chợ Mới, Hữu Thác huyện Na Rì, Lãng Ngâm huyện Ngân Sơn, Nam Cường huyện Chợ Đồn, kiểm đếm 2 tiêu chí nhà vệ sinh cộng đồng: xã Hà Hiệu huyện Ba bể
Hoạt động 11: Giám sát, kiểm tra	16 xã	Tại 16 xã từ ngày 07 tháng 9 năm 2019 đến ngày 13 tháng 12 năm 2019
Hoạt động 12: Hoạt động báo cáo	01	Báo cáo hoạt động truyền thông theo Kế hoạch bao gồm đầy đủ các hoạt động triển khai từ cấp tỉnh, huyện, xã thôn theo quy định
Hoạt động cấp huyện		

<p>- Hoạt động 13: Hội nghị cấp huyện</p>	<p>05 cuộc</p>	<p>1. Ba Bé: 01 cuộc; tổng số đại biểu: 41, nữ 18, nam 23, dân tộc 41, thực hiện ngày 23/9/2019.</p> <p>2. Pác Nặm: 01 cuộc, tổng số đại biểu: 26, nữ 10, nam 16, dân tộc 26, thực hiện ngày 10/10/2019.</p> <p>3. Huyện Chợ Đồn: tổng số đại biểu 26, nữ 07, nam 19, dân tộc 26, thực hiện ngày 01/10/2019.</p> <p>4. Huyện Ngân Sơn: tổng số đại biểu 35, nữ 19, nam 16 dân tộc 30, thực hiện ngày 25/9/2019.</p> <p>5. Huyện Na Rì: 01 cuộc, tổng số đại biểu: 36, nữ 13, nam 23, dân tộc 30, thực hiện ngày 17/9/2019.</p> <p>6. Huyện Bạch Thông, 01 cuộc, tổng số đại biểu: 35, nữ 17, nam 18, dân tộc 09, thực hiện ngày 30/08/2019.</p> <p>7. Huyện Chợ Mới: 01 cuộc, tổng số đại biểu: 35, nữ 19, nam 16, dân tộc 30, thực hiện ngày 11/10/2019.</p>
<p>- Hoạt động 14: Tập huấn cho CHTI , thợ xây</p>	<p>06 lớp</p>	<p>1. Huyện Pác Nặm : 01 lớp, tổng 15 học viên; nữ 5; nam 10; dân tộc 15, thực hiện từ 12-13/11/2019.</p> <p>2. Huyện Chợ Đồn: 01 lớp, tổng 17 học viên, nữ 8 nam 7; dân tộc 17 thực hiện từ 30-31/10/2019.</p> <p>3. Huyện Ngân Sơn: 01 lớp, tổng 14, nữ 01, nam 13, dân tộc 14, thực hiện từ ngày 28-29/10/2019.</p> <p>4. Huyện Na Rì: 01 lớp, tổng 30 học viên; nữ 1; nam 29; dân tộc 30, thực hiện từ ngày 7 - 08/10/2019.</p> <p>5. Huyện Bạch Thông: 01 lớp, tổng 11 học viên; nữ 04; nam 07; dân</p>

		tộc 11, thực hiện ngày 02-03/11/2019. 6. Huyện Chợ Mới: 01 lớp, tổng 10 học viên; nữ 06; nam 04; dân tộc 10, thực hiện từ 12-13/12/2019.
- Hoạt động 15: Báo cáo cấp huyện	07	Ba Bể, Pác Năm, Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Mới, Na Rì, Chợ Đồn
Hoạt động cấp xã		
		1. Xã Bộc Bó: 01 cuộc, tổng số người tham gia 40 số lượng nam 23, nữ 17, dân tộc 30, thời gian thực hiện ngày 25 tháng 10 năm 2019. 2. Xã Phương Viên: 01 cuộc, 44 đại biểu nữ 15, nam 29 dân tộc 42, ngày 08/10/2019. 3. Xã Bằng Vân: 01 cuộc, 38 đại biểu, nữ 16, nam 22, dân tộc 36, ngày 09/10/2019. 4. Xã Côn Minh: 01 cuộc, 36 đại biểu, nữ 14, nam 22, dân tộc 30, ngày 04/10/2019. 5. Xã Quang Phong: 01 cuộc, 44 đại biểu, nữ 14, nam 30, dân tộc 30, ngày 02/10/2019 6. Xã Nguyễn Phúc: 01 cuộc, 32 đại biểu, nữ 15, nam 17, dân tộc 23, ngày 30/9/2019. 7. Xã Yên Định: 01 cuộc, tổng số người tham gia 30, nam 14, nữ 16, dân tộc 29, thời gian thực hiện ngày 08 tháng 11 năm 2019.
- Hoạt động 16: Hội triển khai cấp xã	07 Cuộc	
		Tổng 07 bản cam kết (xã mới 2019): Xã Bằng Vân (Ngân Sơn), xã Yên Định (Chợ Mới), xã Phương Viên (Chợ Đồn), xã Nguyễn Phúc (Bạch Thông), xã Bộc Bó (Pác năm); xã Côn Minh, Quang Phong
- Hoạt động 17: Cam kết để đạt VSTX	07 bản	

		huyện Na Ri.
- Hoạt động 18: Treo áp phích	07 xã	Áp phích được treo tại Trạm Y tế các xã: Xã Bằng Vân (Ngân Sơn), xã Yên Đĩnh (Chợ Mới), xã Phương Viên (Chợ Đồn), xã Nguyễn Phúc (Bạch Thông), xã Bộc Bó (Pác Nặm), xã Côn Minh, Quang Phong huyện Na Ri.
- Hoạt động 19: Phát thanh qua loa	14 lượt	Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn đã ký hợp đồng với phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phát thanh qua hệ thống phát thanh ĐTH tỉnh đến huyện, xã. Phát qua loa tại các xã: Xã Bằng Vân (Ngân Sơn), xã Yên Đĩnh (Chợ Mới), xã Phương Viên (Chợ Đồn), xã Nguyễn Phúc (Bạch Thông), xã Bộc Bó (Pác Nặm), xã Côn Minh, Quang Phong huyện Na Ri được 14 lượt. Nội dung tuyên truyền: thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả
-Hoạt động 20: Báo cáo cấp xã, thôn	07	Xã Bằng Vân (Ngân Sơn), xã Yên Đĩnh (Chợ Mới), xã Phương Viên (Chợ Đồn), xã Nguyễn Phúc (Bạch Thông), xã Bộc Bó (Pác Nặm); xã Côn Minh, Quang Phong huyện Na Ri.
Hoạt động cấp thôn		
- Hoạt động 21: Làm bản đồ thôn	07 xã	97 bản đồ tại các xã: Bộc Bó 15 bản đồ, Bằng Vân: 14 bản đồ; Côn Minh 14 bản đồ; Quang Phong 16 bản đồ; Phương Viên 17; Yên Đĩnh 10; Nguyễn Phúc 11 bản đồ
- Hoạt động 22: Họp thôn	381 Cuộc	Tại các xã: Bộc Bó 30 cuộc, Phương Viên 34 cuộc, Nam Cường 11 cuộc, Bằng Vân 28 cuộc, Thượng Quan 22 cuộc, Lãng Ngâm 13 cuộc, Vân Tùng 13 cuộc, Côn Minh 28 cuộc, Quang Phong 32 cuộc, Yên

		Đĩnh 20 cuộc, Nông Hà 15 cuộc, Nông Thịnh 07 cuộc, Như Cỏ 11 cuộc; Bạch Thông 61 cuộc; Phúc lộc 19, Hà Hiệu 7, Mỹ Phương 15, Khang Ninh 15, Bành Trạch 13.
	2.781 Hộ	1. Phúc Lộc: 95 hộ; 2. Bành Trạch: 65 hộ; 3. Khang Ninh: 75 hộ; 4. Mỹ Phương: 75 hộ; 5. Hà Hiệu: 70 hộ, 6. Xã Bộc Bó: 265 hộ; 7. xã Phương Viên 306 hộ; 8. Bàng Vân 210 hộ; 9. Thượng Quan 330 hộ, 10. Vân Tùng 195 hộ; 11. Lãng Ngâm 195 hộ; 12. Cẩm Giang 195 hộ; 13. Mỹ Thanh 135 hộ; 14. Dương Phong 150 hộ; 15. Nguyễn Phúc 165 hộ; 16. Côn Minh 20 hộ; 17. Quang phong 20 hộ; 18. Yên Đĩnh 50 hộ; 19. Nông Hà 75 hộ; 20. Nông Thịnh: 35 hộ; 21. Như Cỏ 55 hộ.
NGÀNH GIÁO DỤC		
1. Cấp tỉnh, huyện: 05 hoạt động		<p>* Hội nghị triển khai về Chương trình vệ sinh trong trường học năm 2019: Số người tham gia: 39 (Số lượng học viên là nữ: 20; nam: 19; dân tộc thiểu số 30/39); Thời gian thực hiện: 22/10/2019.</p> <p>* Tập huấn nâng cao năng lực truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh trường học (tập huấn ToT) cho cho Sở GD&ĐT, TTYT, Phòng GD&ĐT, cán bộ quản lý, cán bộ TPT Đội và y tế trường học: Số người tham gia: 65 (Số lượng học viên là nữ: 43; nam: 22; dân tộc thiểu số 59/65); Thời gian thực hiện: 29 và 30/10/2019.</p> <p>* In tài liệu truyền thông và HD sử dụng cho các trường học (in tại tỉnh và cấp cho 19 trường học)</p> <p>* Sao Bãng đĩa hướng dẫn điệu nhảy "Tay sạch bé ngoan" cấp cho đại biểu tuyến huyện và 19 trường học:</p>

	<p>- Địa Video truyền thông “Tay sạch bé ngoan”: 80 chiếc.</p> <p>- Địa Video hướng dẫn điệu nhảy “Tay sạch bé ngoan”: 80 chiếc.</p> <p>* Thực hiện giám sát và đánh giá tại các trường học sau khi thực hiện Chương trình tại 19 trường: Từ ngày 24/12 đến ngày 27/12/2019.</p> <p>* Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: 19 trường; Số người tham gia: 369 (Số lượng học viên là nữ: 310; nam: 59; dân tộc thiểu số 341/369); Thời gian thực hiện: Theo lịch của 19 trường thực hiện trong tháng 11 và 12/2019.</p> <p>* Chi hỗ trợ kiểm nghiệm mẫu nước các trường năm 2017, 2018 và 2019: Kiểm nghiệm nguồn nước sinh hoạt tại 18 trường học trong tháng 12/2019.</p> <p>* Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động ngoại khóa về Ngày hội vệ sinh trường học, dọn vệ sinh trường học, thi vẽ tranh, kể chuyện, tiểu phẩm tại 19 trường</p> <p>* Tổ chức truyền thông lồng ghép qua các buổi sinh hoạt tập thể như chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp...</p> <p>* Xây dựng quy định sử dụng, bảo quản nhà vệ sinh trong trường học, in áp phích tuyên truyền.</p> <p>* 19 trường cam kết thực hiện truyền thông, thay đổi hành vi và duy trì các điều kiện vệ sinh cho công trình nước sạch và vệ sinh trong trường học.</p>
<p>2. Cấp trường: 05 hoạt động</p>	

BẢNG 1-3: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VỆ SINH TOÀN XÃ CỦA TỈNH (Chỉ số 1.2)

Huyện	Xã	% HGD có nhà tiêu cải thiện	Tỷ lệ % HGD có điểm rửa tay XP	% Trường học có nước sạch và nhà tiêu HVS	Tổng số học sinh	% Trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS	Tổng số Hộ gia đình trong xã	Tổng dân số của xã	% Hộ gia đình có chủ hộ là nữ	% Hộ gia đình là DTTS
Ba Bê	Xã Bành Trạch	64,4	90	100	308	100	726	3.194	4,8	95,5
	Xã Mỹ Phương	Đạt HGD 2017	Đạt HGD 2017	100	566	100	948	948	4	90
	Xã Khang Ninh	Đạt HGD 2017	Đạt HGD 2017	100	384	100	971	971	4,3	99,1
Ngân Sơn	Xã Bằng Vân	70	80	75	555	100	698	1.589	4,6	96,5
	Xã Thượng Quan	70	80	100	222	100	721	3.009	8,6	100
	Lăng Ngâm	Đạt HGD 2018	Đạt HGD 2018	100	363	100	626	626	2,8	92
Chợ Mới	Xã Như Cỏ	Đạt HGD 2018	Đạt HGD 2018	100	452	100	694	674	2,9	94,8
	Xã Nông Hà	70	80	Đạt kiểm đếm 2018	761	Đạt kiểm đếm 2018	980	3.850	10	93
	Xã Yên Định	75	90	100	382	100	776	3046	25	85
Chợ Đồn	Xã Nam Cường	70	85	100	481	100	759	3.104	9,4	91
	Xã Phương Viên	71	85	60	398	100	892	3.149	9,5	95
	Xã Hữu Thác	Đạt HGD 2018	Đạt HGD 2018	100	263	263	373	373	13,4	98
Na Rì	Xã Cư Lễ	70	85	Đạt kiểm đếm 2018	251	Đạt kiểm đếm 2018	525	2.158	2,3	92,5
	Xã Quang Phong	70	80	75	308	100	365	1.298	1,2	90
	Xã Côn Minh	73	85	80	471	100	625	2.183	11	90
Bách Thông	Mỹ Thanh	Đạt HGD 2018	Đạt HGD 2018	100	297	297	538	538	22,2	96
	Nguyễn Phúc	75	90	100	191	100	495	1.955	15,8	76,15
Pắc Năm	Xã Bộc Bó	70	85	100	762	100	935	3.194	18,2	92
Tổng cộng							12.647	32.013	9,4	92,6

BẢNG I-4: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU NÓI CẤP NƯỚC (DLI 1.3)

Hệ thống Số	Tên Công trình	Địa điểm ¹	Tình trạng ²	Số đầu nối			Chất lượng nước		Nước thất thoát (%) ⁵	Doanh thu tiên nước	Chi phí VH & B D	Mô hình quản lý ⁶	Biên bản tham vấn với người sử dụng nước ⁷	Quyết định thành lập Tổ VH & BD của UBND D xã ⁸	Chứng chỉ/ Cam kết của UBND D xã về việc đào tạo cán bộ VH ⁹	Dành cho các CTCN do UBND xã quản lý	Dành cho tất cả các CTCN
				Theo kế hoạch	Thực tế đang hoạt động ³	Đầu nối mới và cải tạo ⁴	Tất cả các chỉ số ⁴	Arsen ⁴									
1	Cấp nước sinh hoạt xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	OP	416	418 (Kiểm đếm 2018)	Đạt được	Đạt được				UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Có	Có	Tên các hoạt động IEC về nước sạch đã thực hiện ở địa bàn thi công công trình
2	Cấp nước sinh hoạt xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	OP	469	447 (Kiểm đếm 2018)	Đạt được	Đạt được				UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Có	Có	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền. Tập huấn truyền thông IEC cho tổ quản lý.
3	Cấp nước sinh hoạt xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	OP	628	440 (Kiểm đếm 2018)	Đạt được	Đạt được				UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Có	Có	Truyền thông IEC tại xã, Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền. Tập huấn truyền thông IEC cho tổ quản lý.
4	Cấp nước sinh hoạt xã Thuận Mang, huyện Ngân Sơn	xã Thuận Mang, huyện Ngân Sơn	OP	471	415 (Kiểm đếm 2018)	Đạt được	Đạt được				UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Có	Có	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền.
5	Cấp nước sinh hoạt xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể	xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể	OP	363	315 (Kiểm đếm 2018)	Đạt được	Đạt được				UBND xã quản lý	Có	Có	Có	Có	Có	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền. Tập huấn truyền thông IEC cho tổ quản lý.

6	Cấp nước sinh hoạt xã Đông Phúc, huyện Ba Bể	xã Đông Phúc, huyện Ba Bể	OP	718	658 (Kiểm đếm 2018)		Đạt được	Đạt được					UBND xã quản lý	C6	C6	C6	C6	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
7	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Phương, huyện Ba Bể	xã Mỹ Phương, huyện Ba Bể	OP	1043	770 (Kiểm đếm 2018)	104	Đạt được	Đạt được					UBND xã quản lý	C6	C6	C6	C6	Truyền thông IEC tại xã, Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
8	Cấp nước sinh hoạt xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	OP	246	230 (Kiểm đếm 2018)		Đạt được	Đạt được					UBND xã quản lý	C6	C6	C6	C6	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
9	Cấp nước sinh hoạt xã Lục Bình, huyện Bạch Thông	xã Lục Bình, huyện Bạch Thông	OP	637	602 (Kiểm đếm 2018)		Đạt được	Đạt được					UBND xã quản lý	C6	C6	C6	C6	Truyền thông IEC tại xã, Truyền thông qua sóng phát thanh Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
10	Cấp nước sinh hoạt xã Kim Lư, huyện Na Rì	xã Kim Lư, huyện Na Rì	OP	518	424 (Kiểm đếm 2018)		Đạt được	Đạt được					UBND xã quản lý	C6	C6	C6	C6	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
11	Cấp nước sinh hoạt xã Yên Hân, huyện Chợ Mới	xã Yên Hân, huyện Chợ Mới	OP	405	364 (Kiểm đếm 2018)		Đạt được	Đạt được					UBND xã quản lý	C6	C6	C6	C6	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền. Tập huấn truyền thông IEC cho tổ quản lý.
12	Cấp nước sinh hoạt xã Cường Lợi, huyện Na Rì	xã Cường Lợi, huyện Na Rì	CM	532		500	Đạt được	Đạt được					UBND xã quản lý	C6	C6	C6	C6	Truyền thông qua sóng phát thanh, Lắp đặt áp phích tuyên truyền
13	Cấp nước sinh hoạt xã Văn Minh, huyện Na Rì	xã Văn Minh, huyện Na Rì	PL	185														Truyền thông qua sóng phát thanh
14	Cấp nước sinh hoạt xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn	xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn	PL	447														Truyền thông qua sóng phát thanh
15	Cấp nước sinh hoạt xã Quảng Chu, huyện Chợ	xã Quảng Chu, huyện	PL	418														Truyền thông qua sóng phát thanh

BẢNG I-5: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DUY TRÌ VỆ SINH CÔNG CỘNG BỀN VỮNG (Chỉ số 2.2)

Huyện	Xã	Năm đạt VSTX	% trường duy trì được tình trạng vệ sinh	% trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh
Bạch Thông	Cắm Giàng	2017	100	100
	Dương Phong	2018	100	100
Ba Bè	Hà Hiệu	2018	100	100
Chợ Mới	Nông Thịnh	2018	100	100
Ngân Sơn	Vân Tùng	2018	100	100
Tổng				

BẢNG I-6: KẾ HOẠCH VÀ BÁO CÁO CHƯƠNG TRÌNH HÀNG NĂM ĐƯỢC CÔNG BỐ CÔNG KHAI (DLI 3.1)

Kế hoạch Chương trình		Báo cáo Chương trình		
Được công bố công khai	Số Kế hoạch, ngày ký kế hoạch	Ngày đăng lên website	Đường link	Đường link
Rồi	Số 306/KH-UBND, ngày 23/8/2018	13/6/2019	https://sonnptnt.baackan.gov.vn/Pages/tin-chuyen-nganh-214/nuoc-sinh-hoat-vs-mtnt-238/ke-hoach-so-360kh-ubnd-ngay-2382018-cua--e4916bb8305e59d0.aspx	https://sonnptnt.baackan.gov.vn/Pages/tin-chuyen-nganh-214/nuoc-sinh-hoat-vs-mtnt-238
			Được công bố công khai chưa	Ngày đăng lên website
			Số báo cáo, ngày ký kế hoạch	Đường link
			Rồi	https://sonnptnt.baackan.gov.vn/Pages/tin-chuyen-nganh-214/nuoc-sinh-hoat-vs-mtnt-238

BẢNG I-7: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HÀNG NĂM ĐÃ PHÊ DUYỆT ĐƯỢC THỰC HIỆN (DLI 3.2)

Các hoạt động Tăng cường năng lực (hoạt động cốt lõi) được thực hiện theo Kế hoạch Xây dựng Năng lực Hàng năm:

Tên hoạt động	Mục tiêu	Kết quả
<p>NGÀNH NÔNG NGHIỆP (Trung tâm nước tinh)</p>		
<p>Hoạt động 1: Hợp triển khai Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tình Bắc Kạn năm 2019.</p>	<p>Tổ chức 01 cuộc họp. Thành phần gồm: UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp& PTNT, Sở y tế, Sở Giáo dục& DT, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Kho bạc, Ngân hàng chính sách xã hội, Trung tâm kiểm soát bệnh tật, Trung tâm nước sạch và VSM-TN, Tổ kiểm toán nội bộ Chương trình.</p>	<p>Tổ chức 01 cuộc họp ngày 21/5/2019. Số đại biểu tham gia: 21 người. Số lượng đại biểu nữ 07 người, nam 14 người. Số lượng đại biểu là người Dân tộc thiểu số: 06 người</p>
<p>Hoạt động 2: Tập huấn về POM đã được duyệt + Hướng dẫn thực hiện các vấn đề về Giới và Dân tộc thiểu số trong chương trình.</p>	<p>Tổ chức 01 lớp tập huấn tại tỉnh. Thành phần gồm : Đại diện các Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở y tế, Sở Giáo dục& DT, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Trung tâm kiểm soát bệnh tật. Cán bộ UBND xã của 07 xã triển khai VSTX năm 2019</p>	<p>Tổ chức 01 lớp tập huấn ngày 26/11/2019. Số học viên tham gia: 22 người. Số lượng học viên nữ 09 người, nam 13 người. Số lượng học viên là người Dân tộc thiểu số: 15 người.</p>
<p>Hoạt động 3: Tập huấn về Sổ tay hướng dẫn vận hành và quản lý các công trình cấp nước dựa vào cộng đồng</p>	<p>Tổ chức 03 lớp tập huấn tại xã gồm có: - Tại Ngọc Phái gồm tổ quản lý vận hành công trình xã Ngọc Phái và xã Lương</p>	<p>- 03 Lớp tập huấn ngày 08/8/2019 tại xã Ngọc Phái, ngày 27/11/2019 tại Phúc Lộc, ngày 28/11/2019 tại Yên Hân:</p>

<p>và Tập huấn về Thông tin Giáo dục Truyền thông (IEC) cấp nước.</p>	<p>Bảng. - Tại Phúc Lộc: tổ quản lý vận hành công trình xã Phúc Lộc và xã Hà Hiệu, xã Bánh Trách. - Tại Yên Hân: tổ quản lý vận hành công trình xã Yên Hân và xã Bình Văn.</p>	<p>Tổng số học viên tham gia: 81 người. Số lượng học viên nữ 18 người, nam 63 người. Số lượng học viên là người Dân tộc thiểu số: 76 người</p>
<p>NGÀNH Y TẾ</p>		
<p>Cấp tỉnh</p>		
<p>Hội nghị triển khai Kế hoạch năm 2019, đánh giá năm 2018</p>	<p>01</p>	<p>01 hội nghị/65 đại biểu ngày 27/8/2019, nữ: 16; nam: 09; dân tộc 50</p>
<p>Tập huấn cho cán bộ tỉnh, huyện (TOT)</p>	<p>01</p>	<p>01 lớp/25 học viên, ngày 10-14/9/2019, nữ: 16; nam: 09; dân tộc 22</p>
<p>Tập huấn cho cán bộ xã và TTV về vệ sinh</p>	<p>6</p>	<p>. Huyện Pắc Nặm: 01 lớp tổng 32 học viên, nam 18, nữ 14, dân tộc 32, từ ngày 06-08/10/2019 2.Huyện Na Rỳ: 01 lớp Tổng 48 học viên; nữ 19, nam 29, dân tộc 48, thực hiện từ 14-16/10/2019, 3.Huyện Ngân Sơn: 01 lớp Tổng 32 học viên; nữ 12; nam 20; dân tộc 32, thực hiện từ 17-19/10/2019 4.Chợ Mới: 01 lớp Tổng 25 học viên, nữ 13, nam 12, dân tộc 23, thực hiện từ ngày 20-22/10/2019 5. Chợ đồn: 01 lớp 32 học viên, nữ 13, nam 19,</p>

		<p>dân tộc 30, thực hiện từ 27-29/10/2019</p> <p>6. Huyện Bạch Thông 01 lớp 25 học viên, nữ 11, nam 14, dân tộc 24, thực hiện từ 23-25/10/2019</p>
<p>Tập huấn cho CTV vệ sinh tại các xã thực hiện Chương trình</p>	<p>6</p>	<p>1. Xã Bộc Bó Huyện Pắc Nặm: 01 lớp tổng 28 học viên, nam 19, nữ 9, dân tộc 28, từ ngày 04-06/11/2019</p> <p>2. Xã Cồn Minh+ Quang Phong huyện Na Rỳ: 01 lớp Tổng 35 học viên; nữ 13, nam 12, dân tộc 35, thực hiện từ 01-03/11//2019</p> <p>3. Xã Bằng Vân huyện Ngân Sơn: 01 lớp Tổng 26 học viên; nữ 09; nam 17; dân tộc 26, thực hiện từ 01-03/11/2019</p> <p>4. Xã Yên định huyện Chợ Mới: 01 lớp Tổng 20 học viên, nữ 10, nam 10, dân tộc 16, thực hiện từ ngày 24-26/11/2019</p> <p>5. Xã Phương Viên huyện Chợ đôn: 01 lớp 29 học viên, nữ 19, nam 20, dân tộc 29, thực hiện từ 31/10-02/11/2019</p> <p>6. xã Nguyễn Phúc huyện Bạch Thông 01 lớp 22 học viên, nữ 8, nam 14, dân tộc 21, thực hiện từ 03-05/11/2019</p>
<p>- Hoạt động 14: Tập huấn cho CHTT, thợ xây</p>	<p>06 lớp</p>	<p>1. Huyện pắc nặm : 01 lớp Tổng 15 học viên; nữ 5; nam 10; dân tộc 15, thực hiện từ 12-</p>

<p>13/11/2019</p> <p>2. Huyện Chợ Đồn: 01 lớp tổng 17 học viên, nữ 8 nam 7; dân tộc 17 thực hiện từ 30-31/10/2019</p> <p>3. Huyện Ngân Sơn: 01 lớp tổng 14, nữ 01, nam 13, dân tộc 14, thực hiện từ ngày 28-29/10/2019</p> <p>4. huyện Na Rì: 01 lớp Tổng 30 học viên; nữ 1; nam 29; dân tộc 30, thực hiện từ ngày 7 - 08/10/2019.</p> <p>5. Huyện Bạch Thông: 01 lớp Tổng 11 học viên; nữ 04; nam 07; dân tộc 11, thực hiện ngày 02-03/11/2019</p> <p>6. Huyện Chợ Mới: 01 lớp Tổng 10 học viên; nữ 06; nam 04; dân tộc 10, thực hiện từ 12-13/12/2019</p>		
<p>NGÀNH GIÁO DỤC</p> <p>Hoạt động: Tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên các trường về truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trường học (tập huấn cấp trường)</p>	<p>Tổ chức 19 lớp</p>	<p>Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: 19 trường; Số người tham gia: 369 (Số lượng học viên là nữ: 310; nam: 59; dân tộc thiểu số 341/369); Thời gian thực hiện: Theo lịch của 19 trường thực hiện trong tháng 11 và 12/2019.</p>

II. KHUNG KẾT QUẢ

Chỉ số PDO và kết quả trung gian trong PAD

Bảng II-1: Quá trình thực hiện và khung kết quả:

Chỉ số kết quả	Lỗi	DLIs	Đơn vị tính	Khảo sát ban đầu	Năm 2019				
					Mục tiêu	Tự đánh giá kết quả đạt được			
<i>Mục tiêu phát triển của Chương trình (PDO): Cải thiện hành vi vệ sinh, tăng cường và duy trì tiếp cận vệ sinh và nước sạch ở các vùng nông thôn tại các Tỉnh tham gia Chương trình</i>									
Chỉ số PDO 1: Người thụ hưởng Trực tiếp của Chương trình (phân tích theo % nữ, % hộ gia đình có chủ hộ là nữ và % hộ DTTS)	Tổng dân số	%	Số	0	Từ xã VSTX theo KH	Từ đầu nói nước theo KH	Từ xã đạt được VSTX	Từ đầu nói nước đạt được	Tổng số kết quả đạt được
			%	32.013	18.445	28.881	3.300	32.181	
			% nữ giới	51%	45%	51%	45%	48%	
			Tổng số Hộ	12.647	4499	11.921	813	12.734	
			% số hộ có nữ giới là chủ hộ	9,4	13	9,2	13	11,1	
			% hộ DTTS	92,6	92,8	92,4	92	92,2	
Chỉ số PDO 2: Hộ gia đình được tiếp cận với dịch vụ cấp nước bên vũng (Phân tích theo giới: % hộ gia đình có chủ hộ là nữ)	Tổng số Hộ		Số lượng	0		0			
	% số hộ có nữ giới là chủ hộ			X		0		0	

Chỉ số PDO 3: Số xã đạt Vệ sinh toàn xã			X	Số lượng	0	7	13
Chỉ số PDO 4: Số xã đạt VSTX bền vững (trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng hợp vệ sinh)			X	Số lượng		1	1
Chỉ số PDO 5: Phương pháp tiếp cận mới cho các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và chuỗi cung ứng được đưa vào chương trình kế thừa của NTP3				Có/ Không	No		
Lĩnh vực Kết quả Trung gian 1: Các hành vi vệ sinh chính thay đổi trong dân chúng và tăng cường tiếp cận đến các dịch vụ cơ bản							
Chỉ số Kết quả Trung gian 1: Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi (BCC); ở cấp tỉnh, huyện và xã			X	Tỉnh	1	1	1
Chỉ số Kết quả Trung gian 2: Trường học đạt được thông qua các chiến dịch BCC mục tiêu				Số lượng	19	19	19

Chi số Kết quả Trung gian 3: Trạm y tế với các chương trình chăm sóc tiền sản được đưa vào trong BCC				Số lượng (tích lũy - hoạt động lặp đi lặp lại mỗi năm)	15	15	15
Chi số Kết quả Trung gian 4: Chương trình truyền thông (BCC) cấp quốc gia được triển khai				Có/ không	Không		
Chi số Kết quả Trung gian 5: Tỷ lệ rửa tay xà phòng sau khi đi vệ sinh được tăng lên trong đối tượng mục tiêu, so sánh với những xã không có can thiệp của chương trình				%	0		

Lĩnh vực Kết quả Trung gian 2: Cơ sở hạ tầng nước và vệ sinh đầy đủ và trong tình trạng hoạt động

Chi số kết quả Trung gian 6: Đầu nối cấp nước hộ gia đình được cải tạo và xây mới đang hoạt động (FWSC) (chia theo giới)	Tổng số hộ đầu nối			Số lượng		1961	813
	% hộ gia đình có nữ là chủ hộ	X	X		0	10	13
Chi số Kết quả Trung gian 7: Trường học và trạm y tế có các công trình cấp nước và vệ sinh mới và	Tổng số			Số lượng	33	33	33
	Trường học				25	25	25
Trạm y tế					8	8	8

được cải tạo							
Lĩnh vực Kết quả Trung gian 3: Năng lực thực hiện chương trình được cải thiện							
Chỉ số Kết quả Trung gian 8: Các Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố	X	Số lượng	02	02	02		
Chỉ số Kết quả Trung gian 9: Các báo cáo về phản hồi của người thụ hưởng đã nhận được và phản hồi đã được sử dụng		Số tình có báo cáo phản hồi của người thụ hưởng được lập và sử dụng				Không có phản hồi của người thụ hưởng	
Chỉ số Kết quả Trung gian 10: Kế hoạch Phát triển Năng lực hàng năm đã phê duyệt của các Tỉnh được thực hiện	X	Số tình đã thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt	01	01	01		
Chỉ số Kết quả Trung gian 11: Các hệ thống sẵn sàng và được sử dụng để giám sát và hỗ trợ sự bền vững của diện vệ sinh toàn xã		Số xã có các hệ thống lắp đặt sẵn để theo dõi tình hình	0	0	0		

Ghi chú: Chỉ số PDO 1 được tính cho cả xã VSTX và đầu nối nước mới

III. TUÂN THỦ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH TRONG NĂM BÁO CÁO

BẢNG III-1: TÓM TẮT TUÂN THỦ KHHĐ TỈNH

Hành động 1	
Cơ sở dữ liệu về khiếu nại và phản hồi khiếu nại của người hưởng lợi đã được lập và duy trì	Có
Báo cáo hàng năm gửi cho Bộ NN-PTNT	Có
Hành động2	
(a) Tắt cả các đề xuất đã được xem xét	Có
(b) DNNN Phụ thuộc bị loại	Không
(c) Không có công ty bị cấm	Không
Hành động3	
Kế hoạch và ngân sách hàng năm đã được phê duyệt ở cấp tỉnh	Rời
Phân bổ ngân sách được thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện	Rời
Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ, tương ứng	Rời
Hành động4	
Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước cởi mở và được cung cấp đủ thông tin	Có
Hành động5	
Triển khai hợp phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Có

BẢNG III-2: MÔ TẢ TUÁN THỦ VỚI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH

Hành động		Tuán thủ với Hành động				
<p>1. Các tỉnh tham gia Chương trình sẽ tăng cường tính minh bạch thông qua việc lưu trữ các khiếu nại của người dân về tham vấn cộng đồng/tham nhũng/quản lý tài chính/đấu thầu/Thực hiện Chương trình trong một cơ sở dữ liệu và giải quyết các khiếu nại này. Thông tin sẽ được Bộ NN&PTNT tổng hợp ở cấp Quốc gia và định kỳ báo cáo cho Ngân hàng Thế giới.</p>		Tham vấn cộng đồng: 0	Tham nhũng: 0	QLTC và Đấu thầu: 0	Đấu thầu: 0	Thực hiện chương trình: 0
		Số đơn khiếu nại được trả lời:				
<p>2. Cải thiện Phương thức đấu thầu thông qua việc đảm bảo:</p> <p>(a) Mọi hồ sơ dự thầu thiết kế chi tiết và giám sát thi công, cũng như hồ sơ dự thầu xây dựng công trình có giá thấp hơn hoặc cao hơn mức giá ước tính của gói thầu đều được đánh giá; (b) Các Doanh nghiệp nhà nước/phụ thuộc (của Tỉnh thực hiện đấu thầu hoặc Bộ NN&PTNT) sẽ không được tham gia dự thầu; và (c) Các công ty trong danh sách cấm của địa phương, quốc gia, hoặc Ngân hàng Thế giới không được tham gia dự thầu.</p>		Tham vấn cộng đồng: 0	Tham nhũng: 0	QLTC và Đấu thầu: 0	Đấu thầu: 0	Thực hiện chương trình: 0
		Số đề xuất và dự thầu nhận được cho gói thầu: 50		Số đề xuất và dự thầu được đánh giá: 5 (45 đang chuẩn bị đánh giá)		
<p>Các biện pháp được thực hiện để đảm bảo DNNN và các công ty trong danh sách cấm bị cấm tham gia:</p>		<p>Kiểm tra thông tin trên mạng đấu thầu Quốc gia và Ngân hàng Thế giới</p>				
<p>3. Kế hoạch và ngân sách hàng năm sẽ được phê duyệt ở tất cả các cấp, và tiền sẽ được chuyển về kịp thời. Các hợp phần của hoạt động này bao gồm:</p>		<p>Tiến độ chuẩn bị kế hoạch, ngân sách hàng năm cho Chương trình:</p>				
		<p>Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa</p>				

<p>(a) Kế hoạch và ngân sách hàng năm được phê duyệt ở tỉnh;</p> <p>(b) Phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện; và</p> <p>(c) Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng.</p>	<p>trên kết quả năm 2019 tỉnh Bắc Kạn</p> <p>Tiến độ phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình:</p> <p>Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn cân đối ngân sách năm 2019.</p> <p>Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 về việc phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn Ngân hàng Thế giới năm 2019 Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả.</p> <p>Quyết định Số 1145/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn WB năm 2019 Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả.</p> <p>Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) năm 2019 (đợt 2) và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2019.</p> <p>Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 về việc cấp tạm ứng cho Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2019.</p> <p>Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Cân đối ngân sách địa phương Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2019.</p> <p>Trên mặt được chuyển về tài khoản chính của Chương trình ngày 19/12/2018.</p> <p>Trên độ phân bổ cho vệ sinh và truyền thông:</p> <p>Năm 2019, tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện ứng vốn trước để triển khai các hoạt động vệ sinh và truyền thông theo tiến độ trong khi nguồn vốn cấp phát của</p>
--	---

	Trung ương chưa được chuyển về tỉnh.
	Tình trạng xây dựng và thực hiện hướng dẫn làm việc với Dân tộc Thiểu số:
<p>4. Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước cởi mở và được cung cấp đủ thông tin</p>	<p>Áp dụng số tay hướng dẫn thực hiện sự tham gia của người dân tộc thiểu số và hướng dẫn lòng ghép giới vào các hoạt động của Chương trình. Thực hiện các cuộc tham vấn với DTTS trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình trong các buổi họp cộng đồng.</p>
	Số tham vấn đã thực hiện với Dân tộc Thiểu số: 15
	Tóm tắt Tình trạng xây dựng và thực hiện cấu phần BCC:
<p>5. Triển khai cấu phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.</p>	<p>BCC được xây dựng và thực hiện theo Sổ tay thực hiện Chương trình, được Sở Y tế phê duyệt tại Quyết định số 682/QĐ-SYT ngày 09/8/2019.</p>
	Số các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC: 33

IV. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.

	Ngày nộp/ thực hiện		
(a) Báo cáo tài chính:	Quý I/2020		
(b) Ngân sách hàng năm			
	Vốn đối ứng	Vốn vay lại	Vốn WB
Vốn sự nghiệp:	25/4/2019		
Đề xuất	996	0	3.959
Phân bổ	0	0	3.200
Giải ngân			
Vốn đầu tư:	17/10/2019	31/7/2019	31/7/2019
Đề xuất	7871,4	7.871,4	70.108,3
Phân bổ	3500	750	7000
Giải ngân			
(c) Đối chiếu	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm
(d) Báo cáo Kiểm toán	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm

V. CÁC KHÓA CẠNH XÃ HỘI

Bảng V-I: Tái định cư

Phạm vi ảnh hưởng của các công trình nước đến ngày 31 tháng 12 năm 2019															
STT	Tên công trình	Số hộ BAH vĩnh viễn						Diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn (m ²)					Tổng diện tích hiện đất (m ²)		
		Số hộ BAH nặng			Số hộ bị mất dưới 30% đất SX	Số hộ kinh doanh BAH	Số hộ DTTS BAH	Số hộ để bị tổn thương	Tổng cộng	Đất ở	Đất lúa	Đất rừng		Đất khác	Tổng cộng
		Tổng số	Số hộ bị mất từ 30% đất sản xuất trở lên	Số hộ bị mất từ 30% đất phải tái định cư											
1	CNSH xã Văn Minh, huyện Na Ri										100				
2	CNSH xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn										100				
3	CNSH xã Thượng Giáo, huyện Ba Bè										100				
4	CNSH xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn										100				
5	CNSH xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn										100				

6	CNSH xã Vũ Thuận, huyện Bạch Thông																			250			
7	CNSH Xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới																			100			
8	CNSH Xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông																			150			
9	CNSH Xã Hoàng Trí, huyện Ba Bể																			50			
10	CNSH Xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn																			150			
11	CNSH Xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông																			400			
12	CNSH Xã Lam Sơn, huyện Na Rì																			100			
13	CNSH Xã Dương Phong, huyện Bạch Thông																			100			
14	CNSH Xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn																			300			
15	CNSH Xã Vũ Loan, huyện Na Rì																			480			
	Tổng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.580	-	-	-

Tình trạng chi trả bồi thường và GPMB										
STT	Tên công trình	Tổng tiền bồi thường và hỗ trợ	Tổng tiền đã trả ('000 VND)		Tình trạng chi trả		Tình trạng bán giao đất			
			Đã trả đến ngày báo cáo	Tổng tiền còn phải trả	Số hộ đã nhận tiền	Số hộ chưa nhận tiền	Số hộ đã giao đất	Số hộ chưa giao đất	Số hộ hiện đất	
1	Công trình 1									
2	Công trình 2									
	...									
	Tổng	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Các hoạt động xây dựng công trình không có thực hiện giải phóng mặt bằng do không lấy đất sản xuất và đất ở của người dân.

Bảng V-2: Dòng lao động

Các tác động xã hội bất lợi do lao động của nhà thầu gây ra

STT	Các tác động xã hội	Có	Không	Các biện pháp giải quyết	Tình trạng giải quyết
1	Xung đột về tôn giáo, văn hóa và dân tộc		X		
2	Tăng tội phạm và cách ứng xử bị cấm (trộm cắp, đánh nhau, lạm dụng vật chất, mại dâm, buôn bán người)		X		
3	Tăng gánh nặng và cạnh tranh về cung cấp dịch vụ xã hội (ví dụ nước, điện, dịch vụ y tế, giao thông, giáo dục...)		X		
4	Tăng các bệnh truyền nhiễm và gánh nặng lên dịch vụ y tế của địa phương		X		

		CNSH xã Văn Minh, huyện Na Ri	CNSH xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn	CNSH xã Thuận Giao, huyện Ba Bể	CNSH xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	CNSH xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	CNSH xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông	CNSH xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới	CNSH xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông	CNSH xã Hoàng Trĩ, huyện Ba Bể	CNSH xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn	CNSH xã Đồn Phong, huyện Bạch Thông	CNSH xã Lam Sơn, huyện Na Ri	CNSH xã Dương Phong, huyện Bạch Thông	CNSH xã Bàng Phúc, huyện Chợ Đồn	CNSH Xã Vũ Loan, huyện Na Ri	Tổng
1	Số hộ đầu	185	447	408	222	418	281	231	382	338	270	461	197	161	162	336	4499
	Số hộ có nữ làm chủ hộ	15	38	32	38	67	29	29	63	18	55	81	38	31	15	39	588
2	Số hộ là DTTS	180	405	389	202	389	281	202	341	338	251	414	182	146	129	326	4175
	Số người tham gia	185	447	408	222	418	281	231	371	338	282	461	197	161	135	327	4464
3	Số người tham gia là nữ	15	38	32	38	67	29	29	63	18	55	81	38	31	15	39	588
	% người tham gia là nữ	8.1	8.5	7.8	17.1	16.0	10.3	12.6	17.0	5.3	19.5	17.6	19.3	19.3	11.1	11.9	
3	Số người tham gia là DTTS	180	405	389	202	389	281	242	341	338	263	461	182	146	129	34	3982
	% người tham gia là DTTS	97.3	90.6	95.3	91.0	93.1	100.0	104.8	91.9	100.0	93.3	100.0	92.4	90.7	95.6	10.4	
3	Số người tham gia																
	Số người tham gia là nữ																
3	% người tham gia là																
	% người tham gia là																

trình, và các tác động, đến bù nếu có	nữ																			
	Số người tham gia là DTTS	% người tham gia là DTTS	# Tổng số người trong tổ vận hành	# nữ tham gia vào tổ vận hành	% nữ tham gia vào tổ vận hành															
4 Trao quyền cho phụ nữ																				
TỔNG CỘNG																				

Ghi chú:

- Theo hướng dẫn về VH&BD, cần có ít nhất 2 cuộc tham vấn cho mỗi công trình, có thể kết hợp nhiều nội dung vào một cuộc tham vấn
- #4 (Trao quyền cho phụ nữ): chỉ điền cho những công trình do cộng đồng quản lý

VI. MÔI TRƯỜNG

- (a) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của PCERWASS chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình: 01
 (b) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của Sở Y tế chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình:
 (c) Báo cáo tiêu dự án (sử dụng bảng dưới đây)

Từ 01/2019 đến 12/2019	Số tiêu dự án : 0						Môi trường Giám sát đưa vào báo cáo tiến độ
Từ 01/2019 đến 12/2019	Nghiên cứu khả thi/thiết kế đã hoàn thành	ĐTM/KHBVMT được chuẩn bị	ĐTM/KHBVMT được phê duyệt	Giấy phép khai thác nước	Giấy phép xả nước	Quy tắc thực hành về môi trường được đưa vào tài liệu đầu thầu	
Số lượng công trình cấp nước sử dụng nước mặt	15	0	0	Yêu cầu: 0 Nộp: 0 Cấp: 0	Yêu cầu: 0 Nộp: 0 Cấp: 0	15	1
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn sử dụng nước ngầm				Yêu cầu: ... Nộp: ... Cấp: ...	Yêu cầu: Nộp: ...	-	-
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh		-		Yêu cầu: Nộp: ...	Yêu cầu: Nộp:	-	-

nông thôn sử dụng nước mặt					...			
					Cấp: ...			Cấp: ...
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh sử dụng nước ngầm					Yêu cầu: Nộp: ...	Yêu cầu: Nộp: ...	-	-
					Cấp: ...	Cấp: ...		
Số lượng đào tạo về môi trường được tiến hành trong giai đoạn bảo cáo	Không		Có trong KHBVMT của từng công trình .					
Thuyết minh về loại hình và phạm vi tác động môi trường đã được thảo luận trong DTM/KHBVMT	Bảo vệ môi trường xung quanh bao gồm: các biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý chất thải và làm sạch hành lang, thực hiện các biện pháp bảo vệ để đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường		Đưa yêu cầu các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường vào thiết kế kỹ thuật, hồ sơ môi trường và hợp đồng.					
Nhận xét về việc đưa các biện pháp giảm nhẹ tác động vào thiết kế kỹ thuật, ví dụ như chọn địa điểm, xử lý bùn cầu, v.v) và hồ sơ môi trường và hợp đồng.		Thực hiện theo đúng yêu cầu						
Các nhận xét khác về thông điệp môi trường trong các chiến dịch truyền thông		Không có nhận xét						
Lượng nước ngầm và nước mặt được khai thác trong Chương trình								

Số khiếu nại về môi trường nhận được, mô tả quy trình thủ tục giải quyết khiếu nại và hồ sơ xử lý khiếu nại về vấn đề môi trường.	Không có
Các nhận xét khác	Không có

Chức danh: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn

Họ tên: Đỗ Thị Minh Hoa

Chữ ký:



Ngày tháng 01 năm 2020

